

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 15-01-2021  
V/v tranh chấp: Xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Hồ Xuân Bình**.

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Sương**.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông **Đoàn Khắc Huy** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **LÊ VĂN A** – sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **PHAN THỊ CẨM H** – sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*(nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn anh Lê Văn A trình bày: Anh và chị Phan Thị Cẩm H cưới nhau vào năm 2015, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới anh và chị H sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm trong cuộc sống, nên đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Nay anh A yêu cầu xin ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 01 cháu tên Lê Thị Quỳnh N – sinh ngày 28/10/2015, hiện cháu N đang sống với chị H. Khi ly hôn anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, anh cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

\* Bị đơn chị Phan Thị Cẩm H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A.

#### **Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn anh Lê Văn A xin vắng mặt.

- Bị đơn chị Phan Thị Cẩm H vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn A; về con chung: giao cho chị Phan Thị Cẩm H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thị Quỳnh N – sinh ngày 28/10/2015, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: anh A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “Xin ly hôn”.

[1] Xét nguyên đơn anh Lê Văn A có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh A.

[2] Xét bị đơn chị Phan Thị Cẩm H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn A là có cơ sở. Vì anh Lê Văn A và chị Phan Thị Cẩm H cưới nhau vào năm 2015, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh số 04/2015 ngày 14/01/2015. Sau khi cưới anh A và chị H sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh A và chị H sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay nhưng giữa anh A,

chị H vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa anh A và chị H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh A đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thị Quỳnh N – sinh ngày 28/10/2015. Xét đây là sự tự nguyện của anh A và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Xét đây là sự tự nguyện của anh A, phù hợp với Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức cấp dưỡng mỗi tháng không quá  $\frac{1}{2}$  mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 745.000 đồng. Do đó, anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu N mỗi tháng là 745.000 đồng.

[6] Về tài sản chung: Anh A và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này anh A và chị H có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Về án phí: Do anh A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh A phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các điều 175, 179, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn A.

Anh Lê Văn A được ly hôn với chị Phan Thị Cẩm H.

- Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Cẩm H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thị Quỳnh N – sinh ngày 28/10/2015 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Lê Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là **745.000 đồng** (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Lê Văn A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: Anh Lê Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh A đã nộp theo biên lai thu số 0016789 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy anh A còn phải nộp tiếp **300.000 đồng**.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã L, huyện C, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tuấn Anh**